

Số: 42/2022/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí
đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định
của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số
106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng
11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc
thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 1516/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết Quy định về mức thu, chế độ thu,
nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo
cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí
đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Đối tượng áp dụng

- Đối tượng nộp lệ phí: Hộ gia đình và cá nhân có nhu cầu làm thủ tục đăng ký cư trú tại cơ quan đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo quy định của pháp luật gồm: Đăng ký thường trú; đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người; gia hạn tạm trú cả hộ hoặc một người; tách hộ; điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú; xác nhận thông tin về cư trú.

- Cơ quan thực hiện đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

c) Đối tượng miễn lệ phí

- Trẻ em (*dưới 16 tuổi*), người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi (*đủ 60 tuổi trở lên*), người khuyết tật;

- Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Bố, mẹ, vợ (*hoặc chồng*), con dưới 18 tuổi của liệt sĩ;

- Thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh;

- Mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng;

- Các trường hợp điều chỉnh những thay đổi thông tin về cư trú khi Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính, khi có sai sót thông tin về cư trú do lỗi của cơ quan đăng ký cư trú.

2. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

a) Cơ quan thu lệ phí: Công an các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Mức thu lệ phí

S TT	Danh mục thu lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người	đồng/lần đăng ký	10.000
2	Đăng ký tạm trú theo danh sách	đồng/người/lần đăng ký	10.000
3	Tách hộ	đồng/lần đăng ký, xác nhận	10.000
4	Xác nhận thông tin về cư trú; Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	đồng/lần xác nhận hoặc lần điều chỉnh	6.000
5	Gia hạn tạm trú cả hộ hoặc một người	đồng/lần gia hạn	6.000
6	Gia hạn tạm trú theo danh sách	đồng/người/lần gia hạn	6.000

c) Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

- Cơ quan thu lệ phí có nhiệm vụ tổ chức thu lệ phí đăng ký cư trú và sử dụng biên lai thu lệ phí theo quy định hiện hành về phát hành, quản lý và sử dụng biên lai.

- Cơ quan thu lệ phí thực hiện nộp 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước và thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí năm theo quy định của pháp luật quản lý thuế. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này bãi bỏ khoản 1 Điều 1 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 7 năm 2022.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công an; Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Triệu Đình Lê